TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-ST
Ngày: 02 - 6 -2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Trang;

2. Ông Trần Văn Tảo.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lâm Thị Ngọc Triều, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 402/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng A;

Địa chỉ: Số 2 , phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Tiết Văn T, Chức vụ: Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp cho ông Tiết Văn T: Ông Hoàng Minh C, Chức vụ: Giám đốc phụ trách Chi nhánh Ngân hàng A, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền theo Quyết định số 510/2014/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 và Quyết định số 2290/QĐ-NHNo-TCTL ngày 11/10/2018).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1974 và anh Trương Hoàng S, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp Bàu Bền, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 12 năm 2019 của nguyên đơn – A và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng A và chị Nguyễn Thị Kim O, anh Nguyễn Hoàng S có ký kết hợp đồng tín dụng số 5710-LAV-201806626/HĐTD ngày 16 tháng 11 năm 2018 và giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân số 799/2018/GNN vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 09 tháng; phương thức cho vay là hạn mức tính dụng thời hạn duy trì của hạn mức là 36 tháng; ngày trả nợ cuối cùng là 08/9/2019; hình thức vay là thế chấp tài sản bảo đảm là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL446975, số vào sổ cấp GCN số CS03100, diện tích 276,5m^2, thửa đất số 45, bản đồ số 22, được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh, cấp ngày 18/10/2017, đất tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; mức lãi suất tại thời điểm ký kết hợp đồng là 9%/năm, lãi suất quá hạn là 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận, khi lãi suất cho vay trên thị trường tín dụng tăng thì ngân hàng tự động điều chỉnh tăng bằng mức lãi suất cho vay của Ngân hàng A tại thời điểm điều chỉnh; mục đích vay là mua bán nhỏ. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Thị Kim O và ông Trương Hoàng S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết. Số tiền nợ gốc bà O và ông S còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 5710-LAV-201806626/HĐTD là 100.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 02/6/2020 là 17.722.877 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn gồm: Từ ngày 23/11/2018 đến ngày 10/3/2019 lãi suất 9% là 2.663.014 đồng; từ ngày 10/3/2019 đến ngày 04/7/2019 lãi suất là 9.1% là 2.892.055 đồng; từ ngày 04/7/2019 đến ngày 02/6/2020 lãi suất là 9.5% là 8.693.151 đồng; lãi quá hạn từ ngày 10/9/2019 đến ngày 02/6/2020 lãi suất 4.75% là 3.474.658 đồng).

Mặc dù phía Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo, liên hệ làm việc trực tiếp và tạo điều kiện cho bà O và ông S thanh toán nhưng bà O và ông S vẫn né tránh nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà O và ông S thanh toán toàn bộ một lần nợ gốc và lãi theo hợp đồng đã ký, tổng cộng 117.722.877 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Nếu bà O và ông S không trả nợ, yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL446975, số vào sổ cấp GCN số CS03100, diện tích 276,5m^2, thửa đất số 45, bản đồ số 22, được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh, cấp ngày 18/10/2017, đất tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh để thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn bà O và ông S nhưng bà O, ông S vẫn cố tình vắng mặt nên không thể tiến hành làm việc lấy lời khai, hòa giải. Bà O, ông S phải chịu mọi hậu quả pháp lý về việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 91, Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

- Ông Hoàng Minh C có đơn xin vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Kim O và ông Trương Hoàng S triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu của Ngân hàng A là có căn cứ chấp nhận. Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 5710-LAV-201806626/HĐTD ngày 16 tháng 11 năm 2018 là có thật. Căn cứ vào Điều 91 Luật tổ chức tín dụng, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A, buộc bà Nguyễn Thị Kim O và ông Trương Hoàng S trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 02/6/2020 là 17.722.877 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 117.722.877 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh của hợp đồng tín dụng cho đến khi bà Nguyễn Thị Kim O và ông Trương Hoàng S thanh toán xong khoản tiền gốc.

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL446975, số vào sổ cấp GCN số CS03100, diện tích 276,5m^2, thửa đất số 45, bản đồ số 22, được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh, cấp ngày 18/10/2017, đất tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim O, ông Trương Hoàng S đã được Tòa án

triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim O và ông Trương Hoàng S hoàn trả tiền nợ vay gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi, thấy rằng:

Việc bà O, ông S có vay của Ngân hàng A tổng số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng là có thật, được thể hiện qua hợp đồng tín dụng số 5710-LAV-201806626/HĐTD ngày 16 tháng 11 năm 2018, có chữ ký của người vay bà Nguyễn Thị Kim O và ông Trương Hoàng S. Mục đích vay là mua bán nhỏ. Thời hạn vay là 09 tháng, hình thức vay là thế chấp tài sản bảo đảm. Đến ngày 08/9/2019 bà O, ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay của hợp đồng tín dụng nêu trên nên Ngân hàng khởi kiện. Hiện tại, bà O, ông S còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 100.000.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tống đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà Nguyễn Thị Kim O và ông Trương Hoàng S nên Tòa án đã tiến hành làm việc với chính quyền địa phương và xác định bà O, ông S vẫn còn địa chỉ và Hộ khẩu thường trú tại địa phương. Nhưng bà O, ông S không có mặt tại địa phương không rõ thời điểm đi và thời điểm trở về thời, bà O, ông S cũng không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới do vậy bà O, ông S được coi là cố tình giấu địa chỉ nên việc bà O, ông S vắng mặt không đến Tòa án làm việc là đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình mà pháp luật quy định.

Nay Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim O và ông Trương Hoàng S hoàn trả số tiền gốc và nợ lãi quá hạn theo hợp đồng đã ký kết là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc bà Nguyễn Thị Kim O và ông Trương Hoàng S trả cho Ngân hàng A số tiền gốc 100.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 02/6/2020 là 17.722.877 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 117.722.877 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh của hợp đồng tín dụng cho đến khi bà Nguyễn Thị Kim O và ông Trương Hoàng S thanh toán xong khoản tiền gốc.

[4] Về xử lý tài sản thế chấp:

Xét yêu cầu của Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL446975, số vào sổ cấp GCN số CS03100, diện tích 276,5m^2, thửa đất số 45, bản đồ số 22, được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 18/10/2017, đất tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh để thu hồi nợ, thấy rằng:

Việc bà Nguyễn Thị Kim O và ông Trương Hoàng S thế chấp tài sản cho Ngân hàng là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL446975, số vào sổ cấp GCN số CS03100, diện tích 276,5m^2, thửa đất số 45, bản đồ số 22, được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh, cấp ngày 18/10/2017, đất tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh là có thật, được thể hiện qua hợp đồng thế chấp tài sản ngày 16/11/2018. Hợp đồng thế chấp đều được thực hiện theo đúng quy định pháp luật về đăng ký thế chấp. Do bà O, ông S vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng là hoàn toàn có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292, 299, 317 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A về việc xử lý tài sản bảo đảm của hợp đồng thế chấp ngày 16/11/2018.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Buộc bà Nguyễn Thị Kim O và ông Trương Hoàng S phải chịu 5.886.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 292, 299, 317, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc bà Nguyễn Thị Kim O và ông Trương Hoàng S có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng A tổng cộng số tiền 117.722.877 (một trăm mười bảy triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy) đồng, trong đó: Tiền gốc là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và tiền lãi tính đến ngày 02/6/2020 là 17.722.877 (mười bảy triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy) đồng.

Kể từ ngày 03/6/2020, bà Nguyễn Thị Kim O và ông Trương Hoàng S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong đồng tín dụng số 5710-LAV-201806626/HĐTD ngày 16 tháng 11 năm 2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp thu hồi nợ đối với: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL446975, số vào sổ cấp GCN số CS03100, diện tích 276,5m^2, thửa đất số 45, bản đồ số 22, được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh, cấp ngày 18/10/2017, đất tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Kim O và ông Trương Hoàng S phải chịu 5.886.000 (năm triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng A 2.787.000 (hai triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006997 ngày 25 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV.TAT (1);
- VKS huyện Tân Biên (2);
- Chi cục THADS huyện Tân Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ (Tr).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Ngọc An